

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CTCBA-TTHT
V/v triển khai chính sách thuế, phí
mới ban hành.

Cao Bằng, ngày tháng năm

Kính gửi: Các Tổ chức, Doanh nghiệp, Người nộp thuế
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật thuế, phí mới ban hành nhằm hỗ trợ hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp, người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Cao Bằng biết và thực hiện. Cục Thuế tỉnh Cao Bằng giới thiệu một số nội dung chính của các Nghị định và Thông tư mới ban hành trong tháng 5 năm 2023. Cụ thể như sau:

I. Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

1. Đối tượng chịu phí

Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là hoạt động khai thác dầu thô, khí thiên nhiên, khí than; khoáng sản kim loại và khoáng sản không kim loại quy định tại Biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Người nộp phí

Người nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo Nghị định này bao gồm:

- Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản.
- Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài được phép khai thác dầu thô, khí thiên nhiên, khí than trên cơ sở hợp đồng dầu khí hoặc thực hiện dịch vụ dầu khí theo quy định của pháp luật dầu khí.
- Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản nhỏ, lẻ bán cho tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua và tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua cam kết chấp thuận bằng văn bản về việc kê khai, nộp phí thay cho tổ chức, cá nhân khai thác thì tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua là người nộp phí.

3. Các trường hợp được miễn phí

- Hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó.
- Hoạt động khai thác đất, đá để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự, phòng chống thiên tai, khắc phục thiên tai. Trường hợp đất, đá khai

thác vừa sử dụng cho san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự, phòng chống thiên tai, khắc phục thiên tai vừa sử dụng cho mục đích khác thì tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm xác định khối lượng đất, đá thuộc đối tượng miễn phí; số lượng đất, đá sử dụng cho mục đích khác phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

- Sử dụng đất đá bóc, đất đá thải từ quá trình khai thác để cải tạo, phục hồi môi trường tại khu vực khai thác theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Việc xác định số lượng đất đá bóc, đất đá thải được miễn phí bảo vệ môi trường căn cứ vào:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng của từng khâu công nghệ khai thác gồm: Chuẩn bị đất đá, xúc bóc, vận tải, thải đá theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 tháng 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

+ Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường.

+ Hồ sơ đóng cửa mỏ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật khoáng sản.

4. Mức thu phí

- Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với dầu thô: 100.000 đồng/tấn; đối với khí thiên nhiên, khí than: 50 đồng/m³. Riêng khí thiên nhiên thu được trong quá trình khai thác dầu thô (khí đồng hành): 35 đồng/m³.

- Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (bao gồm cả trường hợp hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân không nhằm mục đích khai thác khoáng sản nhưng thu được khoáng sản) theo Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định này.

- Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác tận thu khoáng sản theo quy định của pháp luật khoáng sản bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng quy định tại Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định này.

- Căn cứ nguyên tắc xác định mức thu phí quy định tại Luật Phí và lệ phí, Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định này và tham khảo mức thu phí của các địa phương có khai thác khoáng sản tương tự thuộc đối tượng chịu phí, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quyết định cụ thể mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản áp dụng tại địa phương phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ.

5. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2023 và thay thế Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

II. Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng

1. Người nộp phí

Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP khi được cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư có thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng phải nộp phí theo quy định tại Thông tư này. Chủ đầu tư nộp phí khi nhận kết quả thẩm định.

2. Tổ chức thu phí

Cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập) có thẩm quyền thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 36 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP là tổ chức thu phí.

3. Hiệu lực thi hành

- Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023.
- Bãi bỏ thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

III. Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng

1. Người nộp phí

Chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng công trình được quy định tại Nghị định số [15/2021/NĐ-CP](#) ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Nghị định số [11/2013/NĐ-CP](#) ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng phải nộp phí theo quy định tại Thông tư này. Chủ đầu tư, cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng công trình nộp phí khi nhận kết quả thẩm định.

2. Tổ chức thu phí

Cơ quan chuyên môn về xây dựng có thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, cơ quan chủ trì thẩm định thuộc người quyết định đầu tư (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập) có thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 14, khoản 15 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng là tổ chức thu phí.

3. Hiệu lực thi hành

- Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2023.
- Bãi bỏ thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

IV. Thông tư số 34/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

1. Người nộp phí

Người nộp phí là tổ chức đề nghị cấp, điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Tổ chức thu phí

Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc cơ quan nhà nước thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường được giao thực hiện thẩm định cấp, điều chỉnh nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định pháp luật là tổ chức thu phí quy định tại Thông tư này.

3. Hiệu lực thi hành

- Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2023.
- Thông tư này bãi bỏ:
 - + Thông tư số 185/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp và sử dụng phí thẩm định đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
 - + Điều 1 Thông tư số 55/2018/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 07 Thông tư quy định thu phí trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

V. Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch

1. Người nộp phí

Người nộp phí là cơ quan trình thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP.

2. Tổ chức thu phí

Tổ chức thu phí là cơ quan có thẩm quyền thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.

3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2023. Khoản 2 Điều 6 Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Cục Thuế tỉnh Cao Bằng đăng tải toàn bộ nội dung Nghị định số 27/2023/NĐ-CP, Thông tư số 27/2023/TT-BTC, Thông tư số 28/2023/TT-BTC, Thông tư số 34/2023/TT-BTC, Thông tư số 35/2023/TT-BTC trên Trang thông tin điện tử Cục Thuế. Để biết thêm chi tiết, người nộp thuế truy cập theo địa chỉ: <https://caobang.gdt.gov.vn>.

Cục Thuế tỉnh Cao Bằng thông báo đến các tổ chức, doanh nghiệp và người nộp thuế trên địa bàn tỉnh biết và thực hiện đúng quy định. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện xin vui lòng liên hệ qua số điện thoại 0206.3852.724 - 0206.3953.858 hoặc Chi cục Thuế các huyện, thành phố, khu vực để được hướng dẫn, hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như trên (qua email, office);
- Hiệp hội DN tỉnh Cao Bằng;
- Hội DN trẻ tỉnh Cao Bằng;
- Câu lạc bộ Nữ Doanh nhân;
- Hiệp hội Du lịch tỉnh Cao Bằng;
- Lãnh đạo Cục Thuế (b/c);
- Các Phòng thuộc Cục Thuế;
- CCT các huyện, thành phố, khu vực (TB cho NNT thuộc CCT quản lý);
- Trang Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT (24).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Hồng